

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 680/2024/HC-PT

Ngày: 30/12/2024

Về việc khiếu kiện Quyết định hành chính
liên quan đến lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng.

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lê - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Vi Thị Tuyết M - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 521/2024/TLPT-HC ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính liên quan đến lĩnh vực đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 76/2024/HC-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13871/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2024 giữa:

*** Người khởi kiện:** Ông Phạm Văn T; địa chỉ: Khu dân cư T, thị trấn V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Tạ Mai A; đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A, khu C V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; tạm trú: Số B N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội- là đại diện theo uỷ quyền (Hợp đồng uỷ quyền ngày 24/5/2024); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức N, ông Bạch Văn Đ, bà Hồ Thị T1 - Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; ông N có mặt, ông Đ, bà T1 vắng mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Đường B thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Vũ Xuân Q - Phó chủ tịch U, thành phố Hải Phòng là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 10/VB-UQ ngày 16/5/2024); vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Phạm Ngọc H - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện V, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

+ Ông Vũ Bá T2, Phó Trưởng phòng T6, huyện V, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Phạm Thị V; nơi cư trú: Khu dân cư T, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Phạm Văn T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Ông (Phạm Văn T) bị Ủy ban nhân dân huyện V thu hồi 36,6m² tại thửa đất số 36, tờ bản đồ số 51 bản đồ giải thửa thị trấn V để thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng theo Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện V. Ông đã bàn giao mặt bằng cho UBND huyện V thực hiện dự án.

Theo Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện V về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho gia đình ông. Theo Quyết định trên gia đình ông được bồi thường hỗ trợ với tổng số tiền là 372.341.000 đồng. Trong đó diện tích đất bồi thường là 36,6m² x 8.329.000 đồng = 304.841.000 đồng; bồi thường về vật kiến trúc là 67.500.000 đồng. Về bồi thường hỗ trợ, tài sản, vật kiến trúc ông nhất trí với phương án bồi thường. Tuy nhiên về đơn giá đất UBND huyện V bồi thường với đơn giá 8.329.000 đồng đối với gia đình ông là không đúng. Bởi lẽ theo Điều 15 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT quy định về cách xác định vị trí đất trong xây dựng bảng giá đất như sau: Vị trí được xác định theo từng đường, đoạn đường hoặc khu vực căn cứ vào điều kiện kết cấu hạ tầng, kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các lợi thế cho sản xuất, kinh doanh trong khu vực, khoảng cách đến trung tâm chính trị, kinh tế, thương mại trong khu vực. Vị trí càng thuận lợi thì số tiền đóng thuế đất hàng năm càng cao. Tuy nhiên đơn giá bồi thường của ông được xây dựng không căn cứ vào vị trí đất đóng thuế sử dụng đất hàng năm. Điều này là sai quy định bởi mức đóng thuế sử dụng đất hàng năm là một trong những căn cứ quan trọng để xác định giá đất cụ thể. Do vậy gia đình ông đóng thuế với đơn giá 2.400.000 đồng chứng tỏ vị trí

đất của ông thuận lợi hơn, từ đó phải được bồi thường về đất với đơn giá bồi thường cao hơn. Việc UBND huyện V áp giá đất bồi thường cho ông với đơn giá 8.329.000 đồng/m² là không đúng mà gia đình ông phải ở vị trí 2 Quốc lộ A - đoạn từ Cầu T đến Trạm y tế thị trấn V với đơn giá 12.940.000 đồng/m² (theo Quyết định số 996 ngày 14/4/2023 của UBND thành phố H).

Do vậy, ông yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng hủy một phần Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển khu dân cư thị trấn V đối với phần đơn giá bồi thường (kèm theo phương án bồi thường hộ ông Phạm Văn T).

Người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Theo bảng giá đất tại Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND thành phố về điều chỉnh cục bộ giá đất tại một số vị trí tuyến đường trong bảng giá các loại đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn thành phố. Giá đất ở vị trí 1 các tuyến đường còn lại trong các khu dân cư là 1.200.000 đồng/m² tương ứng với vị trí thửa đất hộ ông Đỗ Văn T3, bà Vũ Thị L; giá đất vị trí 1 tuyến đường từ cổng chợ cũ - Trại Chiều là 2.400.000 đồng/m² tương ứng với vị trí 1 nhà ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn S, bà Phạm Thị M1, bà Phạm Thị M2 và giá đất vị trí 1 tuyến đường từ Trạm y tế T - Trại Chiều là 4.800.000 đồng/m² tương ứng với vị trí 1 nhà ông Phạm Sỹ T4. Căn cứ khoản 2 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013, Điều 1 Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố, bảng giá đất được sử dụng làm căn cứ trong các trường hợp sau:

“a) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân;

b) T5 thuê sử dụng đất;

c) Tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai;

d) Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

đ) Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai;

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để trả cho người tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước đối với trường hợp đất trả lại là đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.”

Từ căn cứ trên, UBND thị trấn V lập phương án thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với các hộ gia đình, cá nhân theo tuyến đường, vị trí thửa đất, đơn giá theo bảng giá đất là đúng quy định.

Giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Phát triển Khu dân cư tại thị trấn V đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 12, 15 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Ngày 14/4/2023 Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 996/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể đối với đất ở để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án phát triển Khu dân cư tại thị trấn V, huyện V (gọi là Quyết định 996).

Căn cứ vào Quyết định số 996, căn cứ vào vị trí thửa đất, Hội đồng bồi thường thực hiện Dự án xác định thửa đất của hộ ông Phạm Văn T thuộc vị trí 4 tuyến Q1 lộ 10 - Đoạn đường từ Cầu T đến Trạm Y tế thị trấn V; giá đất bồi thường là 8.329.000đ/m² (Bảng giá đất 5 năm 2020-2024 được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tại Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 là 5.210.000đ/m² x hệ số điều chỉnh 1,6). Do đó UBND huyện ban hành Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng, trong đó có hộ gia đình ông Phạm Văn T áp dụng giá đất là 8.329.000 đồng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013.

Công tác bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Phạm Văn T đã được Ủy ban nhân dân huyện V thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo Điều 74, Điều 75, Điều 79, Điều 89, Điều 114 Luật đất đai 2013; Điều 6, Điều 9 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc phê duyệt giá đất cụ thể thực hiện Dự án Phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V; Quyết định 24/2022/QĐ-UBND của UBND thành phố H về việc ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 về việc ban hành Bộ đơn giá vật kiến trúc phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Điều 19 Quyết định 24/2022/QĐ-UBND của UBND thành phố H về việc ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc ban hành đơn giá cây trồng vật nuôi là thủy sản, chi phí đầu tư trên đất và mặt nước nuôi trồng thủy sản phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Vì vậy Ủy ban nhân dân huyện V đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị V trình bày: Bà hoàn toàn đồng ý với nội dung khởi kiện, các yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T. Vì lý do công việc, bà không thể tham dự các buổi làm việc, phiên hoà giải cũng như tham dự phiên toà được. Do vậy bà đề nghị vắng mặt tất cả các buổi làm việc, buổi hoà giải cũng như xét xử vắng mặt bà theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 76/2024/HC-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 157; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194, Điều 206; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 62, 66, 67, 69, 74, 75, 79 và Điều 114 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 15 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Điều 6, Điều 9, Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính Phủ

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc: Huỷ một phần Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển Khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng đối với phần đơn giá bồi thường (kèm theo phương án bồi thường của hộ ông Phạm Văn T).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/8/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được đơn kháng cáo đề ngày 19/8/2024 của người khởi kiện là ông Phạm Văn T có nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông cho rằng Tòa cấp sơ thẩm không đánh giá hết các tài liệu, tình tiết khách quan của vụ án, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, yêu cầu tòa cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Phạm Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, thấy rằng Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới. Bởi vậy căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 76/2024/HC-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn T trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án một số đương sự vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 157, Điều 158, Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn T, thấy rằng:

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 11/5/2023 UBND huyện V Quyết định số 2275/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển Khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng (gọi là Quyết định số 2275). Ngày 11/3/2024 ông Phạm Văn T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Người khởi kiện chỉ khởi kiện một phần Quyết định số 2275/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện V. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết HĐXX sơ thẩm thấy có các Quyết định liên quan như Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 về việc thu hồi đất thực hiện Dự án phát triển Khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng (gọi là Quyết định 2278); Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 4078/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 và Quyết định số 7390/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn T (lần đầu) nên để giải quyết vụ án được đảm bảo toàn diện, đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đánh giá tính hợp pháp của các quyết định trên.

[5] Ngày 11/5/2023 UBND huyện V ban hành Quyết định số 2278/QĐ-UBND về việc thu hồi đất thực hiện Dự án phát triển Khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng đối với hộ ông Phạm Văn T với diện tích 36,6m² đất ở thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 51, bản đồ giải thửa thị trấn V (tương ứng với thửa đất số 147, mảnh trích đo địa chính số 1 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt). Việc thu hồi đất với mục đích thực hiện đầu tư Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các Quyết định trên là phù hợp với Điều 62, Điều 66, Điều 67 của Luật Đất đai năm 2013.

[6] Hộ ông Phạm Văn T không chấp hành quyết định thu hồi đất mặc dù đã được vận động, thuyết phục. Vì vậy ngày 29/8/2023 Chủ tịch UBND huyện V Quyết định số 4078/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất là phù hợp với quy định tại Điều 69 và Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013.

[7] Không đồng ý với quyết định cưỡng chế thu hồi đất nên ông Phạm Văn T đã làm đơn khiếu nại. Ngày 16/10/2023 UBND huyện V đã ban hành thông báo

số 1193/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu; cùng ngày UBND huyện Vĩnh Bảo ban hành quyết định số 4790/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại và tổ chức đối thoại. Tại buổi đối thoại ông T nhất trí với kết quả xác minh nội dung khiếu nại của đoàn xác minh. Lý do ông đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng theo quy định. Ngày 29/12/2023, Chủ tịch UBND huyện V Quyết định số 7390/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn T (lần đầu) với nội dung giữ nguyên Quyết định số 4078/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện V về việc cưỡng chế thu hồi đất là đảm bảo đúng quy định tại Điều 9, Điều 18, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Luật Khiếu nại.

- Đối với yêu cầu hủy một phần quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển Khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng đối với phần đơn giá bồi thường, HĐXX thấy:

[8] Ngày 11/5/2023 UBND huyện V Quyết định số 2278 về việc thu hồi đất, cùng ngày UBND huyện V Quyết định số 2275 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (trong đó có phương án của hộ ông T) là đúng thẩm quyền và thời hạn ban hành quyết định theo quy định tại Điều 66 và Điều 69 của Luật đất đai năm 2013.

[9] Theo quyết định thu hồi đất thì hộ ông Phạm Văn T bị thu hồi 36,6m² đất ở. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ số 2275 (có danh sách kèm theo) thì tổng số tiền hộ ông T được bồi thường, hỗ trợ là 372.341.000 đồng. Trong đó số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất là 36,6m² x 8.329.000 đồng = 304.841.000 đồng; bồi thường về vật kiến trúc là 67.500.000 đồng. Hộ ông T đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng. Hộ ông T nhất trí với phương án bồi thường về vật kiến trúc. Tuy nhiên về giá đất UBND huyện V áp giá cho ông ở vị trí số 4 Quốc lộ A đoạn từ Cầu T đến Trạm Y tế thị trấn V với đơn giá 8.329.000 đồng/m² là không đúng; gia đình ông phải ở vị trí 2 Quốc lộ A đoạn từ Cầu T đến Trạm Y tế thị trấn V với đơn giá 12.940.000 đồng/m² theo Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND thành phố H. Hội đồng xét xử xét thấy:

[10] Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai quy định “...nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”. Ủy ban nhân dân thành phố H đã ban hành Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt giá đất cụ thể đối với đất ở để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Phát triển Khu dân cư tại thị trấn V (giá đất cụ thể được tính dựa trên cơ sở Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND thành phố H về việc điều chỉnh cục bộ giá đất tại một số vị trí tuyến đường trong bảng giá các loại đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn thành phố là 5.210.000 đ/m² x hệ số điều chỉnh 1,6 để ra giá đất cụ thể là 8.329.000 đồng). Căn cứ vào vị trí thửa đất, Hội đồng bồi thường thực hiện Dự án xác định thửa đất của hộ ông T thuộc vị trí 4 tuyến Quốc

lộ A đoạn đường từ Cầu T đến Trạm Y tế thị trấn V tại Quyết định số 996/QĐ-UBND với giá đất bồi thường là 8.329.000đ/m². Do vậy ông T cho rằng gia đình ông phải ở vị trí 2 Quốc lộ A đoạn từ Cầu T đến Trạm Y tế thị trấn V với đơn giá 12.940.000 đồng/m² theo Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND thành phố H là không có cơ sở xem xét.

[11] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân thành phố Hải Phòng, không chấp nhận đề nghị hủy một phần Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển Khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng đối với phần đơn giá bồi thường, đối với ông Phạm Văn T là đúng quy định của pháp luật.

Từ những đánh giá phân tích nêu trên HĐXX phúc thẩm nhận thấy tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo, ông Phạm Văn T không xuất trình được tình tiết mới nào để bảo vệ cho yêu cầu kháng cáo, do đó kháng cáo không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ hành chính sơ thẩm số 76/2024/HC-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân thành phố Hải Phòng, như Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị là cần thiết.

[12] Về án phí hành chính phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận do đó ông Phạm Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[13] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 76/2024/HC-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải phòng.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Phạm Văn T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000634 ngày 05/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án; P.LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Nam

